

Bản án số: 330/2021/HC-PT

Ngày 27 tháng 5 năm 2021

“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1452/2020/HC-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 720/2021/QĐPT - HC ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 104/2021/QĐ-HC ngày 21/5/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Lê Hồng S, sinh năm 1957 – Vắng mặt;

1.2. Bà Ngô Thị Bạch H, sinh năm 1958 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 3/68 đường D1 (số cũ 152A1 Điện Biên Phủ), Phường 25, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Ngô Trọng H¹, sinh năm 1990; Địa chỉ: 32 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, quận B, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017) – Có mặt;

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H;

Địa chỉ: 06 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (Giấy ủy quyền số 40/GUQ-UBND ngày 20/4/2021) – Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn Bé H², sinh năm 1977, Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B – Có mặt;
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962, Nhân viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B – Có mặt;

3. *Người kháng cáo:* Ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2017, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/5/2018 và đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 20/7/2020 của ông Lê Hồng S, bà Ngô Thị Bạch H và lời khai tiếp theo của người đại diện trình bày:

Nhà nước thu hồi của ông, bà phần đất diện tích 350 m² để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Bãi Trung chuyển xe buýt tại số 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận B, Thành phố H.

Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn bộ nhà đất số 3/68 đường D1, Phường 25, quận B (*tạm viết tắt Quyết định số 95*) và Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 (*tạm viết tắt Quyết định số 2405*) bổ sung, điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 95.

Nội dung Quyết định số 95 là không đúng vì:

Xác định diện tích 281,7 m² theo Bản vẽ hiện trạng ngày 07/12/2015 của Công ty Cổ phần Đo đạc – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại An là không đúng, mà theo Tờ kê khai đăng ký nhà đất ngày 04/7/1999 được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận diện tích là 350 m²; Bản tường trình ngày 26/9/2005 cũng được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận diện tích là 272,2 m², không tranh chấp với bất kỳ ai; Các thông báo thuế hàng năm của Cục thuế quận B thì diện tích là 248,2 m². Như vậy, theo các tài liệu nêu trên thì diện tích không đồng nhất. Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân quận B phải xác định diện tích bồi thường cho đúng thực tế.

Việc áp giá bồi thường theo Phương án số 01A/DA.152.P25 ngày 03/01/2017 (*tạm viết tắt Phương án 01A*) giá đất ở chỉ 55.077.456 đồng là quá thấp, không phù hợp thực tế và giá thị trường.

Xác định nguồn gốc đất “*lấn chiếm có nguồn gốc là rạch nhánh*” là không đúng, từ đó căn cứ bồi thường không đúng vì đất này của vợ chồng ông mua đất “hoa màu” của ông Nguyễn Văn T từ ngày 15/6/1985, được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận không có tranh chấp với ai (xác nhận ngày 10/10/2005 – Bút lục 190), ông đã đăng ký nhà đất ngày 04/7/1999 được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận ngày 15/3/2000 (Bút lục 186). Như vậy, toàn bộ đất của ông đã quản lý sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993 nên hoàn toàn đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Toàn bộ khuôn viên nhà, đất hiện hữu của gia đình ông nằm trong quy hoạch dự án xây dựng, mở rộng Bến xe Văn Thánh (cũ), nhưng dự án này không triển khai (Văn bản số 2280/UBND-PC ngày 12/4/2006 của UBND Thành phố H).

Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông không đúng diện tích thực tế gia đình ông quản lý, sử dụng. Ông đã có khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận B (Biên nhận 1566/BN-TD ngày 06/12/2007 và Phiếu chuyển báo tin số 1569/PC-VP ngày 11/12/2007) nhưng chưa được giải quyết.

Vì vậy phần 106,2 m² hoàn toàn đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải bồi thường 100% giá đất ở theo Điều 16 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H (*tạm viết tắt Quyết định số 23*). Đối với công trình xây dựng trên diện tích này không phải là nguồn gốc rạch nhưng chỉ được hỗ trợ 70% giá trị xây dựng là không hợp lý, mà phải là 100% theo điểm b khoản 1 Điều 25 Quyết định số 23.

Đối với phần diện tích 25,3 m² chỉ bồi thường 30% giá đất ở cũng là không đúng vì diện tích này cũng nằm chung trong diện tích nhận chuyển nhượng của ông Thanh và gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, nên phải được bồi thường 100% giá đất ở. Đối với công trình xây dựng trên diện tích này tuy xây dựng sau ngày 15/10/1993 nhưng trước ngày 01/7/2004 mà chỉ được hỗ trợ 50% giá trị xây dựng là không hợp lý, mà phải là 100% theo điểm b khoản 1 Điều 25 Quyết định số 23.

Đối với phần diện tích 11,9 m² không được hỗ trợ do sử dụng diện tích này sau ngày được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau ngày 01/7/2004) cũng là không đúng, vì gia đình ông đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 đến nay, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 101 Luật Đất đai 2013, nên phải được bồi thường 100% giá đất ở.

Ông Lê Hồng S, bà Ngô Thị Bạch H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 95 và hủy một phần Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (*tạm viết tắt Quyết định số 2155*) về giải quyết khiếu nại. Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B bồi thường về đất và công trình trên đất của các diện tích 106,2 m²; 25,3 m² và 11,9 m² với mức 100% đơn giá đất ở và 100% đơn giá xây dựng.

Ngoài ra còn yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ các chính sách, xác định lại diện tích bồi thường cho đúng thực tế và xem xét lại đơn giá đất ở, nhưng đến ngày 20/7/2020, người khởi kiện đã rút khỏi kiện đối với các yêu cầu này.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B trình bày:

Về nguồn gốc nhà, đất và quá trình sử dụng: Ông Lê Hồng S sang nhượng hoa màu của ông Nguyễn Văn T theo giấy viết tay ngày 27/4/1986, không ghi diện tích; Tờ kê khai nhà đất năm 1999 do ông S đứng tên tại số nhà 152A Điện Biên Phủ, Phường 25, quận B diện tích khuôn viên 350 m², diện tích xây dựng 350 m², kết cấu nhà bằng cây, ván, mái tôn, nguồn gốc sang nhượng của Nguyễn Văn T; Bản tường trình ngày 26/9/2005 của ông S, sang nhượng đất hoa màu của ông T năm 1985, diện tích 272,2 m² không ai tranh chấp. Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông S, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06720 ngày 07/8/2006 tại số 3/68 đường D1 (số cũ 152A1 Điện Biên Phủ), diện tích 96 m², diện tích xây dựng 96 m².

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng do Công ty Cổ phần đo đạc Đại Việt An lập ngày 07/12/2015 có gắn ranh vị trí khu đất trên bản đồ địa chính Phường 25 và tài liệu Bản đồ 299/TTg để làm cơ sở tính bồi thường nhà, đất số 3/68 đường D1 (số cũ 152A1 Điện Biên Phủ) với diện tích khuôn viên giải tỏa toàn phần là 281,7 m². Trong đó:

Phần diện tích 96 m² được công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện bồi thường 100% giá đất ở;

Phần diện tích 42,3 m² (không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có nguồn gốc tư nhân đăng ký sử dụng (tư liệu 299/TTg thuộc một phần

thửa 328, tờ số 01 do Nguyễn Hữu D¹ đăng ký), sử dụng trước ngày 15/10/1993, được bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở.

Phần diện tích 106,2 m² (không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có nguồn gốc rạch cũ theo tư liệu 299/TTg, sử dụng trước ngày 15/10/1993, được hỗ trợ 40% đơn giá đất ở.

Phần diện tích 25,3 m² thuộc một phần thửa 51, tờ 96 (do Ban Quản lý dự án đăng ký sử dụng), sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ 30% đơn giá đất ở.

Phần 11,9 m² do lấn chiếm sau thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau ngày 01/7/2004), không tính hỗ trợ.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất theo 02 phiếu chiết tính là 9.880.831.560 đồng + 494.108.826 đồng) = 10.374.940.386 đồng.

Bồi thường, hỗ trợ về cấu trúc và các khoản hỗ trợ khác là 672.647.031 đồng + 6.000.000 đồng = 678.647.031 đồng.

Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 95 và Quyết định số 2405 bồi thường toàn phần căn nhà số 3/68 đường D1 (số cũ 152A1 Điện Biên Phủ) với tổng số tiền 11.053.587.417 đồng (10.374.940.386 đồng + 678.647.031 đồng).

Ông S, bà H được giải quyết chuyển nhượng một nền đất tái định cư ở Khu dân cư Bình Chiểu, diện tích 168,8 m² với giá 1.653.733.600 đồng (9.797.000 đồng/m²) nhưng ông bà vẫn khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 2155 bác đơn khiếu nại.

Người bị kiện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1452/2020/HC-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 23/2015 ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng S, bà Ngô Thị Bạch H về việc: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận B và hủy một phần (Điều 2) Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng S, bà Ngô Thị Bạch H về việc: Yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường đất cho ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H phần diện tích 106,2 m², 25,3 m² và 11,9 m² bằng 100% theo đơn giá đất ở và bồi thường 100% về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác trên đất đối với các phần diện tích nêu trên.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn đình chỉ giải quyết đối với phần ông S, bà H đã rút yêu cầu khởi kiện (*buộc Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ các chính sách, xác định lại diện tích bồi thường cho đúng với thực tế và xem xét giá đất ở để tính bồi thường*); quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2020, ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H ký chung đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của ông S, bà H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy một phần Quyết định số 95 và hủy một phần (Điều 2) Quyết định số 2155; buộc Ủy ban nhân dân quận B bồi thường cho ông S và bà H các phần diện tích 106,2 m²; 25,3 m² và 11,9 m² theo 100% đơn giá đất ở và bồi thường 100% về nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác trên đất đối với các phần diện tích nêu trên. Lý do: Gia đình ông đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay không có tranh chấp nên các diện tích trên đều đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 16 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Từ năm 2006, gia đình ông Sơn đã khiếu nại việc cấp thiếu diện tích nhưng không nhận được văn bản giải quyết khiếu nại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện vì diện tích 106,2 m² sử dụng trước ngày 15/10/1993 nhưng có nguồn gốc lấn rạch cũ; diện tích 25,3 m² sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 và diện tích 11,9 m² đều thuộc một phần thửa 51 do Ban Quản lý dự án đăng ký sử dụng, nên việc bồi thường là đúng quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 10 Mục I Phần III Phương án số 02/PA-UBND-HĐBTGPMB ngày 06/01/2017. Đối với phần kiến trúc trên đất tại các vị trí trên cũng được bồi thường đúng quy định tại Phương án số 02/PA-UBND-HĐBTGPMB ngày 06/01/2017. Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận cũng đã ban hành văn bản số 4187/TNMT ngày 28/10/2009 trả lời việc khiếu nại cấp thiếu diện tích của ông S. Do đó, không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H khởi kiện đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố H trong lĩnh vực đất đai trong thời hạn chưa quá 01 năm kể từ ngày có quyết định bị khởi kiện. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về thời hiệu khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Tại văn bản kiến nghị số 1578/UBND-TNMT ngày 27/9/2005 của Ủy ban nhân dân quận B đã xác định: “Dự án xây dựng trụ sở và trung tâm điều hành xe buýt chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”.

Tại Công văn số 2428/UBND-TNMT ngày 11/10/2007 của Ủy ban nhân dân quận B có nội dung: “Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số

2544/QĐ-UBND ngày 05/6/2006 (về việc thu hồi quyết định điều chỉnh, di chuyển các hộ) vị trí đất trên chưa có quy hoạch chi tiết, chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan chức năng”.

Như vậy, đến thời điểm năm 2007 vị trí đất trên chưa có quy hoạch chi tiết và chưa có quyết định thu hồi đất.

[4] Nhà đất số 3/68 đường D1 (số cũ 152A1 Điện Biên Phủ), Phường 25, quận B có nguồn gốc của ông Lê Hồng S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T bằng giấy tay ngày 27/4/1986, không ghi diện tích.

Quá trình quản lý, sử dụng đất, ông S kê khai đăng ký ngày 04/7/1999, diện tích 350 m² được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận ngày 15/3/2000 (bút lục 186). Tại Sổ dã ngoại tháng 02/2005 (bút lục 275) ghi ông S sử dụng diện tích 248,2 m². Đến ngày 26/9/2005, ông S tường trình, cam kết đã nhận chuyển nhượng của ông T diện tích 275 m² để làm nhà ở không ai tranh chấp, được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận ngày 10/10/2005 (bút lục 190). Bản đồ hiện trạng bổ túc hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 272,2 m² nhưng ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 96 m² (số AC 117396, sổ vào sổ H 06720 ngày 07/8/2006).

Theo Bản vẽ hiện trạng do Công ty Cổ phần đo đạc Đại Việt An lập ngày 07/12/2015 thì diện tích giải tỏa toàn phần là 281,7 m² (ông Sơn, bà Huệ đã thống nhất diện tích này) bao gồm 05 phần diện tích gồm:

Phần diện tích 96 m² (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và phần diện tích 42,3 m² có nguồn gốc tư nhân đăng ký sử dụng, được bồi thường 100% giá đất ở, ông S bà H đồng ý và không khởi kiện.

Đối với phần diện tích 106,2 m² có nguồn gốc rạch nhánh, đã sử dụng trước ngày 15/10/1993; Phần diện tích 25,3 m² sử dụng sau 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 và 11,9 m² sử dụng sau ngày 01/7/2004 đều thuộc một phần thửa 51, tờ 96 (do Ban Quản lý dự án đăng ký sử dụng).

[5] Đối với diện tích 106,2 m² có nguồn gốc rạch nhánh do ông S lấn chiếm sử dụng trước ngày 15/10/1993, thời điểm sử dụng đất của ông S chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được xét duyệt và cũng chưa có quyết định thu hồi đất; đồng thời việc sử dụng đất của gia đình ông S đã được Ủy ban nhân dân Phường 25 xác nhận không có tranh chấp và cũng không có văn bản ngăn chặn hay quyết định xử phạt hành chính. Con rạch đã bị san lấp toàn bộ từ khoảng năm 1986-1987 và cho đến hiện nay Nhà nước cũng không có nhu cầu duy trì con rạch, nên mặc dù gia đình ông S sử dụng diện tích này là do lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích công cộng nhưng không có văn bản ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc sử dụng đất từ trước khi có quy hoạch, chưa có quyết định thu hồi đất, nên không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Vì vậy, tại thời điểm ông S lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2005) thì theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì ông S đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 106,2 m² đất này, nên Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ đối với đất và vật kiến trúc trên diện tích 106,2 m² này là chưa phù hợp.

[6] Đối với diện tích 25,3 m² nằm trong diện tích 272,2 m² mà ông S bổ sung hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2005). Ông S là người trực tiếp

sử dụng đất, theo ông S trình bày ông sử dụng diện tích này từ khi ông nhận chuyển nhượng đất (năm 1986), Ban Quản lý dự án không trực tiếp sử dụng đất nhưng lại kê khai (năm 2002) đối với phần diện tích do ông S đang quản lý sử dụng. Do đó, chưa xác định được chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất này là ai, chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận diện tích đất này cho ai, nên Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về bồi thường, hỗ trợ đối với đất và vật kiến trúc trên diện tích 25,3 m² này là chưa đủ cơ sở.

[7] Đối với diện tích 11,9 m² nằm ngoài diện tích 272,2 m² mà ông S bổ sung hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2005), chứng tỏ diện tích này ông S mới sử dụng sau năm 2005, nên không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà H phần này.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[9] Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại:

Ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[10] Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết đối với phần ông S, bà H đã rút yêu cầu khởi kiện (*buộc Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ các chính sách, xác định lại diện tích bồi thường cho đúng với thực tế và xem xét giá đất ở để tính bồi thường*) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1452/2020/HC-ST ngày 10/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H;

Hủy một phần Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận B đối với phần bồi thường, hỗ trợ về đất và vật kiến trúc trên đất tại các phần diện tích 106,2 m² và 25,3 m² và hủy một phần (Điều 2) Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B đối với phần giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng S đối với việc bồi thường, hỗ trợ diện tích 106,2 m².

Buộc Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Án phí:

3.1. Ông Lê Hồng S và bà Ngô Thị Bạch H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0034263 ngày 24/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3.2. Ủy ban nhân dân quận Bình T, Thành phố H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

4. Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết đối với phần ông S, bà H đã rút yêu cầu khởi kiện (*buộc Ủy ban nhân dân quận B hỗ trợ các chính sách, xác định lại diện tích bồi thường cho đúng với thực tế và xem xét giá đất ở để tính bồi thường*) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKSND TP. H;
- Cục THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Thạch, sửa Bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị khởi kiện.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Thạch đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

